

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ IV NĂM 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	105.516.125.136	277.048.677.415	488.963.818.652	608.309.437.015
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	3.094.364.869	1.051.329.973	6.549.333.598	8.781.692.987
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.27	102.421.760.267	275.997.347.442	482.414.485.054	599.527.744.028
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	41.551.464.085	118.948.929.485	217.324.424.555	287.683.016.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		60.870.296.182	157.048.417.957	265.090.060.499	311.844.727.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	29.898.327.148	18.613.424.374	87.259.527.562	40.819.872.363
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	410.410.322	15.475.228.357	(4.019.559.601)	31.224.707.759
8. Chi phí bán hàng	24		243.561.295	55.116.772	550.411.183	1.845.705.583
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.311.987.870	18.881.782.505	54.432.466.527	50.442.538.196
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		72.802.663.843	141.249.714.697	301.386.269.952	269.151.648.144
11. Thu nhập khác	31	VI.30a	4.920.561.304	6.831.854.343	47.113.367.394	11.959.887.262
12. Chi phí khác	32		3.172.975.594	(31.413.140)	4.069.537.163	247.359.952
13. Lợi nhuận khác	40		1.747.585.710	6.863.267.483	43.043.830.231	11.712.527.310
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Cty liên kết, LD	50		-	1.320.447.566	-	1.320.447.566
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		74.550.249.553	148.112.982.180	344.430.100.183	282.184.623.020
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.31	12.455.114.120	22.671.154.696	59.352.855.497	70.144.440.539
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		62.095.135.433	125.441.827.484	285.077.244.686	212.040.182.481
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		1.269.252.341	12.500.876.789	4.627.804.838	13.662.711.299
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Cty mẹ (*)	72		60.825.883.092	112.940.950.696	280.449.439.848	198.377.471.182
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		2.223,64	4324,72	8.612,53	8.490,00

(*) Bao gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn hợp tác KD : Q1/2009 là 11.200.000.000đồng + Q2/2009 : 866.875.000đ + Q3/2009: 52.328.080.663đ.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Ngọc Châu



Quan Minh Tuấn



Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ CHÍ HIẾU